

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN V  
TỈNH BẠC LIÊU**

Bản án số: 09/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29/01/2021

*V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con  
khi ly hôn.*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH BẠC LIÊU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Hoàng Yến

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trần Hồng Tư  
2. Ông Nguyễn Minh Chiêu

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Huỳnh Ngọc Nhiều, Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Mỹ Tiên, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 268/2020/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2020 về ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh A, sinh năm 1986. Địa chỉ: Ấp E, xã G, thị xã H, tỉnh Sóc Trăng (có đơn xin vắng mặt đề ngày 04/01/2021).

- Bị đơn: Chị B, sinh năm 1981. Địa chỉ: Ấp I, xã K, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (có đơn xin vắng mặt đề ngày 04/01/2021).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/12/2020, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải ngày 04/01/2021, nguyên đơn, anh A trình bày:* Anh A và chị B xây dựng hôn nhân năm 2008, không đăng ký kết hôn, vợ chồng có hai con chung tên C, sinh ngày 06/10/2008 đang sống chung với anh A tại ấp E, xã G, thị xã H, tỉnh Sóc Trăng; C1, sinh ngày 31/10/2015 đang sống chung với chị B tại ấp I, xã K, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Sau khi cưới vợ chồng anh sống chung với cha mẹ chồng tại ấp E, xã G, thị xã H, tỉnh Sóc Trăng, không tạo lập được tài sản chung, không thiếu nợ ai và không ai thiếu nợ hai vợ chồng. Nguyên nhân ly hôn là vợ chồng không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, anh và chị B đã không còn sống chung với nhau từ tháng 8 năm 2020 đến nay. Cuộc sống chung giữa anh A và chị B không thể tiếp tục nên anh yêu cầu được ly hôn với chị B, không yêu cầu đoàn tụ; anh yêu cầu được tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu C,

anh đồng ý giao cháu C1 cho chị B tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, không ai phải cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- *Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải ngày 04/01/2021, bị đơn, chị B trình bày:* Chị thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của anh A về thời gian chung sống, con chung, tài sản chung và nợ chung. Cuộc sống chung giữa chị và anh A không thể tiếp tục nên chị và anh Hiền đã sống ly thân từ tháng 8/2020 đến nay. Nay chị đồng ý ly hôn với anh A, không yêu cầu đoàn tụ; Khi ly hôn chị đồng ý giao cháu C, sinh ngày 06/10/2008 cho anh A tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, chị yêu cầu được tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu C1, sinh ngày 31/10/2015, không ai phải cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 51 các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016: Không công nhận anh A và chị B là vợ chồng. Giao cháu C, sinh ngày 06/10/2008 cho anh A tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao cháu C1, sinh ngày 31/10/2015 cho chị B tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không có và không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Anh A phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng:

[1.1] Anh A yêu cầu ly hôn và giải quyết về nuôi con khi ly hôn với chị B, hiện nay chị B cư trú tại ấp I, xã K, huyện V, tỉnh Bạc Liêu nên Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc

Liều thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Anh A và chị B có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 04/01/2021. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Anh A yêu cầu ly hôn với chị B do phát sinh mâu thuẫn từ năm 2020, không thể hàn gắn, anh A và chị B đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2020 đến nay. Xét thấy, anh A và chị B tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2008 nhưng không đăng ký kết hôn đã vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên không được xem là hôn nhân hợp pháp. Do đó, có đủ căn cứ không công nhận anh A và chị B là vợ chồng.

[2.2] Đối với con chung là cháu C, sinh ngày 06/10/2008 đang sống chung với anh A; cháu C1, sinh ngày 31/10/2015 đang sống chung với chị B. Anh Hiền và chị A thống nhất giao cháu C cho anh A tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao cháu C1 cho chị B tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tại biên bản ghi nhận ý kiến của cháu C có sự chứng kiến của anh A, chị B thể hiện nguyện vọng của cháu được tiếp tục sống chung với anh A. Anh A đang trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu C nên anh A được tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu C; Chị B đang trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu C1 nên chị B được tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu C1. Anh A và chị B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Căn cứ khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình, anh A và chị B không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh A và chị B xác định anh chị chung sống từ năm 2008 nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn, đi làm thuê chỉ đủ chi phí trang trải cuộc sống hàng ngày nên không tạo lập được tài sản chung, nợ chung không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, anh A phải chịu theo quy định pháp luật.

[4] Các quan điểm đề xuất việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa, như đã phân tích, là có căn cứ nên cần chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14, Điều 51, các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và mục A của Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016).

Tuyên xử :

**1. Về hôn nhân:** Không công nhận anh A và chị B là vợ chồng.

**2. Về con chung:** Giao cháu C, sinh ngày 06/10/2008 cho anh A tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao cháu C1, sinh ngày 31/10/2015 cho chị B tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh A đang trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu C nên anh A được tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu C; Chị B đang trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu C1 nên chị B được tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu C1.

Anh A và chị B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Anh A, chị B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

**3. Về tài sản chung, nợ chung không có và không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.**

**4. Về án phí:** Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về Hôn nhân và Gia đình, anh Lâm Út Hiền phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Anh A đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008490 ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V nên được chuyển thu án phí.

Anh A, chị B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bạc Liêu;;
- VKSND huyện Vĩnh Lợi;
- CCTHADS huyện Vĩnh Lợi;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

**Lê Thị Hoàng Yến**